

Bản án số: 187/2026/HS-ST
Ngày 04 - 6 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – BẮC NINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trường.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hoa (giáo viên đã nghỉ hưu).

Bà Nguyễn Thị Hương (giáo viên đã nghỉ
hưu). Nguyễn Quang Kim

Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị Thùy Trang – Thư ký Tòa án nhân dân khu
vực 2 – Bắc Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh tham gia phiên tòa:
Ông Ông Văn Chúc - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2026 tại trụ sở TAND Khu vực 2 – Bắc Ninh tiến
hành xét xử sơ thẩm công khai trực tuyến vụ án hình sự Thụ lý số
150/2026/TLST-HS ngày 29 tháng 4 năm 2026; theo Quyết định đưa vụ án ra xét
xử số 175/2026/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 5 năm 2026 và Quyết định hoãn
phiên tòa số 51/2026/QĐ-HS ngày 21/5/2026 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Đào Văn H**; Tên gọi khác: không; Giới tính: Nam;

Sinh ngày 18/5/2008; tại tỉnh Thái Nguyên;

CCCD số: 006208003742 do Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về
trật tự xã hội cấp

Nơi thường trú: **thôn N, xã C, tỉnh Thái Nguyên;**

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mông; Tôn giáo: không; Chức vụ (Đảng,
đoàn thể, chính quyền): không;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn 9/12;

Họ tên cha: **Đào Văn K**, sinh năm 1976;

Họ tên mẹ: **Sùng Thị N**, sinh năm 1977;

Anh chị em ruột: Gia đình có 05 anh em, Bị cáo là con thứ ba;

Vợ con: chưa có;

Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị giữ, bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/12/2025, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2, Công an tỉnh B. (có mặt)

2. Họ và tên: Lý Văn Đ; Tên gọi khác: không; Giới tính: Nam;

Sinh ngày 18/9/2009, tỉnh Thái Nguyên.

CCCD số: 006209003841 do Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp

Nơi thường trú: thôn L, xã C, tỉnh Thái Nguyên;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mông; Tôn giáo: không; Chức vụ (Đảng, đoàn thể, chính quyền): không;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 01/12.

Họ tên cha: Lý Văn V, sinh năm 1979;

Họ tên mẹ: Lý Thị M, sinh năm: 1979;

Anh chị em ruột: Gia đình có 03 anh em, Bị cáo là con thứ ba;

Vợ con: chưa có;

Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị giữ, bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/01/2026; hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2, Công an tỉnh B. (có mặt)

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo H là ông Đào Văn K, sinh năm 1976. Địa chỉ: thôn N, xã C, tỉnh Thái Nguyên. (có mặt)

- Đại diện hợp pháp của bị cáo Đ là ông Lý Văn V, sinh năm 1979. Địa chỉ: Thôn L, xã C, tỉnh Thái Nguyên. (vắng mặt)

- Bị hại:

1. Chị Dương Ngọc H1, sinh năm 2004. Địa chỉ: TDP S, xã K, tỉnh Bắc Ninh. (vắng mặt)

2. Chị Lý Thị T, sinh năm 2001. Địa chỉ: thôn H, xã K, tỉnh Bắc Ninh. (vắng mặt)

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

1. Lý Văn P, sinh năm 2005. Địa chỉ: thôn L, xã C, tỉnh Thái Nguyên; (có mặt)

2. Vàng Văn P1, sinh năm 2007. Địa chỉ: Thôn N, xã B, tỉnh Thái Nguyên; (có mặt)

3. Lý Văn T1, sinh năm 2005. Địa chỉ: thôn N, xã C, tỉnh Thái Nguyên; (có mặt)

Hiện **Lý Văn P**, **Vàng V** và **Lý Văn T1** đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 - **Công an tỉnh B**.

4. Anh **Đào Văn K**, sinh năm 1976. Địa chỉ: **thôn N, xã C, tỉnh Thái Nguyên**. (có mặt)

- Người làm công tác xã hội: Bà **Dương Thị Hoài H2**, sinh năm 1983. Chức vụ: Công chức phòng Văn hóa xã hội **UBND xã H**. (vắng mặt)

- Luật sư bào chữa cho bị cáo: Bà **Nguyễn Thị Thanh H3**, bà **Trần Lệ H4**, bà **Phạm Thu H5** là luật sư của **Công ty L** – **Đoàn luật sư tỉnh B**. (vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt)

Địa chỉ: **Tầng A, số C đường N, Phường B, Bắc Ninh**.

- Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo **H**: Ông **Hoàng Trọng N1**, sinh năm 1985. Địa chỉ: **Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh B**; (có mặt)

- Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo **Đ**: Bà **Thân Thị Thúy V1**, sinh năm 1984. Địa chỉ: **Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh B**. (vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lý Văn P, sinh năm 2005, **Lý Văn Đ**, sinh ngày 18/9/2009 cùng trú tại **thôn L, xã C, tỉnh Thái Nguyên**, **Vàng V**, sinh ngày 12/7/2007, trú tại **thôn N, xã B, tỉnh Thái Nguyên**; **Đào Văn H**, sinh ngày 18/5/2008, trú tại **thôn N, xã C, tỉnh Thái Nguyên**; **Lý Văn T1**, sinh năm 2005, trú tại **thôn N, xã C, tỉnh Thái Nguyên** quen biết và là bạn của nhau. Phan, **Đ** ở chung phòng thuê trọ tại **thôn C, xã Y, tỉnh Bắc Ninh**; Phòng thuê trọ tại **thôn N, xã Y, tỉnh Bắc Ninh**; **H**, **T1** ở chung phòng thuê trọ tại **thôn Á, xã Y, tỉnh Bắc Ninh**, để đi làm công nhân. Do thiếu tiền chi tiêu cá nhân, **P** đã rủ và cùng **Đ**, Phòng, **H**, **T1** thực hiện 02 vụ cướp giật tài sản của người khác trong các ngày 27/11/2025 và 29/11/2025, tại tuyến đường gom dân sinh cạnh các Khu công nghiệp thuộc địa phận **phường N, tỉnh Bắc Ninh**, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 27/11/2025, **Đào Văn H** và **Lý Văn T1** đang ở cùng nhau trong phòng thuê trọ tại **thôn Á, xã Y, tỉnh Bắc Ninh**; **H** đang tắm, **T1** nằm ở giường nhận được cuộc gọi messenger của **Lý Văn P** gọi đến tài khoản messenger của **T1**. **T1** nghe điện thoại và bật loa ngoài thì nghe thấy **P** rủ **T1** cùng **H** đi đến tỉnh Bắc Giang cũ (nay là tỉnh Bắc Ninh) cướp giật tài sản của người đi đường thì **T1** đồng ý; cùng lúc này **H** cũng nghe rõ nội dung cuộc điện thoại. Sau khi **H** tắm xong, thì **T1** cũng nói lại với **H** về việc **P** rủ đi cướp giật tài sản thì **H** gật đầu đồng ý. Một lúc sau, **Lý Văn P** gọi điện thoại cho **H** rủ đi cướp giật tài sản của người khác, thì **H** đồng ý. Phan hẹn gặp **H**, **T1** tại khu vực **cây xăng Y**, thuộc **xã Y, tỉnh Bắc Ninh**. Sau đó, **T1** tháo biển số 20AA-528.60 của xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu xanh than của **T1** ra khỏi xe, cất biển số ở phòng trọ. Tiếp đó, **T1** điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave đã tháo biển số,

chờ H đi đến điểm hẹn gặp P để cùng đi cướp giật tài sản. Cùng thời gian này, P cũng điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha R15 (Phanh không nhớ biển số) đi đến điểm hẹn. Tại đây, P bảo H rủ thêm Vàng Văn Phòng cùng đi cướp giật tài sản, H đồng ý. Tiếp đó, T1 và P ở lại cây xăng đợi, còn H một mình điều khiển xe mô tô của P đến nơi ở trọ nêu trên của Phòng. H bảo Phòng về việc P rủ đi cướp giật tài sản, rủ Phòng tham gia thì P1 đồng ý. Hanh, P1 điều khiển xe đến điểm hẹn với P rồi cả nhóm đi về phòng trọ của P. Tại phòng trọ của P, có mặt Lý Văn Đ. Phanh tiếp tục rủ mọi người đi cướp giật tài sản, thì Đại đồng Ý đi theo. Sau đó, Lý Văn T1 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave đã tháo biển số 20AA-528.60 chở Lý Văn Đ; Lý Văn P một mình điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha R15; Đào Văn H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision của Phòng nhưng không lắp biển số (biển số đăng ký 20AA-424-52) chở theo Vàng V cùng đi cướp giật tài sản của người khác. P điều khiển xe mô tô đi trước, H điều khiển xe đi ở giữa, T1 điều khiển xe đi cuối cùng đi theo đường cao tốc hướng Hà Nội -Bắc Giang đến Khu công nghiệp Q, phường N, tỉnh Bắc Ninh tìm người để cướp giật tài sản. Khoảng 18 giờ ngày 27/11/2025, khi đi đến đoạn đường gom thuộc địa phận tổ dân phố N, phường N, tỉnh Bắc Ninh, Lý Văn P, Lý Văn Đ; Lý Văn T1; Đào Văn H, Vàng V đều nhìn thấy chị Dương Ngọc H1, sinh năm 2004, trú tại tổ dân phố S, xã K, tỉnh Bắc Ninh đang ngồi trên xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đỏ, biển số 98N9-4725 đỗ ở rìa đường bên phải theo hướng di chuyển của nhóm P2; hai tay chị H1 đang cầm điện thoại Iphone 8 Plus-128GB, màu trắng, lắp 01 thẻ sim Viettel, ốp nhựa màu hồng, bên trong ốp có tờ tiền 200.000 đồng, để xem điện thoại. Nhóm P điều khiển xe mô tô đi qua vị trí chị H1 đang đỗ xe khoảng 10m, thì P bảo H và Phòng cướp giật điện thoại của chị H1, còn P và những người còn lại đi chậm để đợi. Tiếp đó, P, T1 điều khiển xe mô tô tiếp tục đi về phía trước, vừa đi vừa đợi, còn H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision chở theo Phòng quay lại cướp giật điện thoại của chị H1. H điều khiển xe mô tô đi qua chỗ chị H1 khoảng 10m, rồi điều khiển xe vòng quay lại, đi từ phía sau đến áp sát bên trái sườn xe mô tô của chị H1, đồng thời Phòng ngồi sau dùng tay phải giật được chiếc điện thoại Iphone 8 Plus-128 GB của chị H1 đang cầm trên tay. Ngay lúc này, H tăng ga điều khiển xe bỏ chạy đi về hướng Khu công nghiệp V, còn chị H1 bị bắt ngờ nên không hô hoán, không đuổi theo để bắt giữ và không bị thương tích gì. Khi H điều khiển xe bỏ chạy qua chỗ của T1, P thì P hỏi H cướp giật được tài sản không thì P1, H nói đã cướp giật được tài sản. Tiếp đó, Lý Văn P, Lý Văn Đ, Lý Văn T1, Đào Văn H, Vàng V cùng nhau đi xe mô tô về phòng trọ của P. Tại đây, P1 lấy điện thoại cướp giật của chị H1 ra kiểm tra thì thấy phía sau ốp lưng có một tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng. Do điện thoại di động của H bị hỏng nên H đề nghị cả nhóm cho H sử dụng điện thoại cướp giật và H trả cho mỗi người 200.000 đồng thì cả nhóm đồng ý. H lấy tiền của H trả cho P, P1, T1, Đ mỗi người 200.000 đồng. Nhận được tiền, P, Đ đưa lại cho H vì H đang thiếu tiền chi tiêu. Còn số tiền 200.000đ sau ốp điện thoại của chị H1 thì T1 cầm đi đồ xăng và mua cơm ăn cho cả nhóm tại phòng Phanh. H cầm theo chiếc điện thoại cướp giật được để sử dụng, còn vỏ ốp vút tại phòng trọ của P và bẻ sim điện thoại vút đi. Ngày 28 tháng 11 năm 2025, H mang điện thoại cướp giật của chị H1 đến cửa hàng điện thoại di

động không nhớ tên, vị trí cụ thể, chỉ biết ở **xã Y** thuê phá khóa bảo mật, rồi sử dụng hàng ngày.

Vụ thứ hai: Khoảng 18 giờ ngày 29/11/2025, sau khi đi ăn cùng nhau thì **P**, **P1**, **T1**, **Đ**, **H** đi về phòng trọ của **P**. Tại đây, **P** tiếp tục rủ mọi người đi cướp giật tài sản, thì **Đ**, **H**, Phòng đều đồng ý, còn **T1** nói mệt không muốn đi. Lúc này, **P** bảo **T1** cho mượn xe mô tô để mọi người dùng đi cướp giật tài sản thì **T1** đồng ý. Sau đó, **Lý Văn P** điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave không đeo biển số của **T1** chở **V** Văn Phòng ngồi sau; **Đào Văn H** điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Vission không lắp biển số của Phòng chở **Lý Văn Đ** ngồi sau cùng đi cướp giật tài sản. Phanh cùng cả nhóm điều khiển xe di chuyển theo đường cao tốc đến địa phận **Khu công nghiệp Q, phường N, tỉnh Bắc Ninh**. Khi đi qua **cầu N**, **H** điều khiển xe mô tô chở theo **Đ** đi theo đường gom đi qua **Khu công nghiệp Q đến Khu công nghiệp V**, còn xe mô tô do **P** điều khiển chở **P1** đi trên đường cao tốc để tìm kiếm người để tài sản sơ hở thì cướp giật. Khoảng 19 giờ 45 phút ngày 29/11/2025, khi đi đến đoạn đường gom dân sinh ở khu vực **Khu công nghiệp V**, thuộc địa phận **tổ dân phố V, phường N, tỉnh Bắc Ninh**; **H** và **Đ** quan sát thấy chị **Lý Thị T**, sinh năm 2001, trú tại **thôn H, xã K, tỉnh Bắc Ninh** đang đi bộ một mình ở rìa đường bên phải theo hướng đi của **H**. Hai tay chị **T** cầm điện thoại di động Iphone 14 Promax- 128GB, màu vàng, loại E sim, vừa đi vừa sử dụng. Lúc này, **Đ** bảo **H** điều khiển xe mô tô đi áp sát để cướp giật điện thoại di động của chị **T**. Lập tức, **H** điều khiển xe mô tô di chuyển từ từ, áp sát từ phía sau sát vào người chị **T**, đồng thời Đại dùng tay phải giật được chiếc điện thoại di động Iphone 14 Promax- 128GB của chị **T**, cùng lúc này **H** tăng ga điều khiển xe bỏ chạy về phía trước, hướng về **Khu công nghiệp V** để tìm nhóm **P**. Bị chiếm đoạt tài sản bất ngờ, chị **T** chỉ kịp hô cướp, không đuổi theo xe của **H** để bắt giữ và không bị thương tích gì. Sau khi bỏ chạy thoát, **H** gọi điện thông báo cho **P** biết đã cướp giật được một điện thoại di động và hẹn gặp nhau tại cây Cờ Đơn ở **đê H, tỉnh Bắc Ninh**. Tại đây, **H** và **Đ** thông báo cho **P**, Phòng biết đã cướp giật được điện thoại di động đồng thời Đại đưa điện thoại cướp giật của chị **T** cho **H** kiểm tra. Sau đó, nhóm của **P** cùng đi về phòng trọ của **P**. Tại phòng trọ, **Đ** mang điện thoại cướp giật của chị **T** để trong tủ quần áo bằng vải trong phòng trọ. Sau đó, **H**, **P1** đi khỏi phòng trọ của **P**. Khoảng 17 giờ ngày 01/12/2025, **P** bảo **H** cùng mang điện thoại di động cướp giật của chị **T** đi bán lấy tiền. Phanh điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha R15 cầm theo điện thoại di động Iphone 14 Promax- 128GB cướp giật của chị **T** chở **H** đến khu vực **công viên L, tỉnh Bắc Ninh** rồi bán cho một cửa hàng điện thoại không nhớ tên, vị trí cụ thể được 5.000.000 đồng tiền mặt. Khi bán, cả hai không nói cho người mua biết là điện thoại chiếm đoạt của người khác. **H** là người cầm tiền bán điện thoại cướp giật. Sau đó, tại phòng trọ của **P**, **H** đã chia tiền bán điện thoại cướp giật cho: Hanh 1.600.000 đồng, **P**, **Đ** mỗi người 1.000.000 đồng, Phòng 1.200.000 đồng, **T1** 200.000 đồng. Toàn bộ số tiền trên, cả nhóm đi chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 04/12/2025, chị **Lý Thị T** và chị **Dương Ngọc H1** trình báo việc bị cướp giật tài sản đến Cơ quan điều tra **Công an tỉnh B**.

Ngày 05/12/2025, Cơ quan điều tra tiếp nhận Vàng Văn Phòng, Lý Văn T1 đầu thú khai nhận hành vi phạm tội. Cơ quan điều tra tiến hành giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với H vào ngày 06/12/2025, đối với Đ vào ngày 16/01/2026; tiến hành bắt truy nã được Phanh vào ngày 26/02/2026. Cơ quan điều tra thu giữ được của Đào Văn H: 01 điện thoại di động Iphone 8 Plus-128GB, màu trắng (tài sản cướp giật của chị H1); thu giữ của Lý Văn T1: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, không lắp biển số; 01 biển số xe mô tô 20AA-52860, 01 đăng ký xe mô tô mang tên Lý Văn T1 và 01 căn cước công dân mang tên Lý Văn T1; thu giữ của Vàng Văn Phòng: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vison màu trắng, không đeo biển số (đăng ký biển số 20AA- 424.52 mang tên Vàng V), 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 màu đen đã qua sử dụng, số Imei 354004105279651, lắp thẻ sim số 0387583401; không thu giữ tài sản đồ vật gì đối với Đ, P.

Cơ quan điều tra tiến hành khám xét nơi ở của P, T1, Đ, H, Phòng; kết quả không thu giữ được tài liệu, vật chứng gì.

Cơ quan điều tra cho Bị cáo cùng bị hại H1, T chỉ vị trí thực hiện hành vi cướp giật tài sản và bị cướp giật tài sản trong hai vụ nêu trên; kết quả Bị cáo, bị hại đã chỉ đúng vị trí như nêu trên. Cơ quan điều tra kiểm tra điện thoại di động thu giữ; kết quả xác định được trong điện thoại thu giữ của Phòng không có thông tin liên quan hành vi phạm tội, điện thoại thu giữ của H là tài sản của chị H1 bị cướp giật, điện thoại vẫn hoạt động bình thường.

Ngày 06/12/2025, và 14/01/2026, Cơ quan điều tra tiến hành cho Lý Văn T1, Vàng V, Đào Văn H nhận dạng người qua bản ảnh, trong đó có ảnh của T1, P1, H, P, Đ; kết quả cả ba đều nhận dạng được nhau là người tham gia thực hiện hành vi cướp giật tài sản của các bị hại nêu trên.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 46/KL-HĐĐGTS, ngày 16 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, phường N, tỉnh Bắc Ninh, kết luận trị giá tài sản tại thời điểm bị cướp giật: tổng trị giá tài sản của chị Dương Ngọc H1 bị cướp giật là 2.055.000 đồng, trong đó: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus 128 GB, màu trắng trị giá 2.000.000 đồng, 01 sim vật lý, do Nhà mạng V2 cung cấp giá 25.000 đồng; 01 ốp nhựa điện thoại Iphone 8 Plus trị giá 30.000 đồng. Tài sản của chị Lý Thị T bị cướp giật 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 14 Promax-128GB, màu vàng trị giá 16.520.000 đồng.

Trong quá trình điều tra vụ án thể hiện năm 2020, Lý Văn Đ được Ủy ban nhân dân xã C (nay là xã C) cấp giấy xác nhận khuyết tật dạng khuyết tật thần kinh, tâm thần ở mức độ nhẹ. Cơ quan điều tra đã trưng cầu Trung tâm pháp y tâm thần khu vực miền núi phía Bắc giám định xác định Đ có mắc bệnh tâm thần không, tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội và hiện tại Đ có mắc bệnh tâm thần không, khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

Tại bản Kết luận giám định số 65/KLGD ngày 23/4/2026 của Trung tâm pháp y tâm thần khu vực miền núi phía Bắc- Bộ Y1, kết luận:

“1. Lý Văn Đ, sinh năm 2009, trú tại thôn L, xã C, tỉnh Thái Nguyên không bị bệnh tâm thần.

2. Tại thời điểm phạm tội ngày 27 và ngày 29/11/2025, Lý Văn Đ không bị bệnh tâm thần. Lý Văn Đ đủ khả năng nhận thức và đủ khả năng điều khiển hành vi.

3. Hiện tại (tại thời điểm giám định) Lý Văn Đ không bị bệnh tâm thần. Lý Văn Đ đủ khả năng nhận thức và đủ khả năng điều khiển hành vi.”

Về vật chứng, tài sản, giấy tờ thu giữ: Cơ quan điều tra đã truy tìm vỏ ốp điện thoại của chị H1 và điện thoại di động của chị T nêu trên nhưng không thu giữ được. P khai xe mô tô nhãn hiệu Yamaha R15 là phương tiện mua trả góp tại cửa hàng không nhớ địa chỉ, do không có tiền trả nên cửa hàng đã thu hồi lại; đồng thời điện thoại di động sử dụng vào phạm tội P, T1, H khai rơi mất nên Cơ quan điều tra không thu giữ được. Hai xe mô tô thu giữ nêu trên là tài sản dùng phạm tội; điện thoại di động Iphone 11 là tài sản của T1 không dùng phạm tội. Cơ quan điều tra đã trả lại điện thoại di động Iphone 8 Plus-128GB, màu trắng cho chị H1. Các vật chứng, tài sản, giấy tờ thu giữ còn lại như nêu trên được Cơ quan điều tra nhập kho vật chứng và tách ra để giải quyết riêng trong vụ án truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Lý Văn P, Lý Văn T1, Vàng V.

Tại Bản cáo trạng số 35/CT-VKS ngày 29/4/2026 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Bắc Ninh đã truy tố các bị cáo Đào Văn H và Lý Văn Đ về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại các điểm d Khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự.

Trong vụ án, khi phạm tội Lý Văn P, Lý Văn T1, Vàng V đều là người thành niên. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B đã tách vụ án đối với hành vi phạm tội của Lý Văn P, Lý Văn T1, Vàng V để giải quyết độc lập bằng vụ án khác theo Luật tư pháp người chưa thành niên.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm đã truy tố các bị cáo và đề nghị HĐXX:

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự sửa đổi, bổ sung 2025; Điều 12, khoản 1 Điều 119, Điều 179 Luật tư pháp người chưa thành niên. Xử phạt: Bị cáo Đào Văn H từ 02 năm 06 tháng đến 02 năm 08 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/12/2025.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự sửa đổi, bổ sung 2025. Căn cứ Điều 12, khoản 1 Điều 119, Điều 179 Luật tư pháp người chưa thành niên. Xử phạt: Bị cáo Lý Văn Đại T2 02 năm 06 tháng đến 02 năm 08 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/01/2026.

Về bồi thường dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự, căn cứ Điều 30 Bộ luật tố tụng hình sự; căn cứ Điều 584, 585, 586, 587, 589 Bộ luật dân sự.

Chị **Lý Thị T** được nhận số tiền 1.500.000đ của bị cáo **H** bồi thường đã nộp tại Biên lai số 0000474 ngày 09/02/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

Về hình phạt bổ sung: Các Bị cáo không có tài sản riêng, không có khả năng thi hành án, các bị cáo đều là dân tộc thiểu số sống trong vùng kinh tế đặc biệt khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, nộp án phí, lệ phí tòa án, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo **Đào Văn H** và **Lý Văn Đ**.

Luật sư bào chữa gửi bản trình bày lời bào chữa cho các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Luật người chưa thành niên và Điều 54 Bộ luật hình sự, xử cho bị cáo dưới khung hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo **H**: Ông **Hoàng Trọng N1** đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Luật người chưa thành niên và điều 54 Bộ luật hình sự, xử cho bị cáo hanh dưới khung hình phạt.

Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo **Đ**: Bà **Thân Thị Thúy V1** đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ của khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo **Đ** do bị cáo có xác nhận là khuyết tật; đề nghị áp dụng Luật người chưa thành niên và điều 54 Bộ luật hình sự, xử cho bị cáo dưới khung hình phạt

Đại diện Viện kiểm sát đối đáp bị cáo **H** và **Đ** đều phạm tội rất nghiêm trọng, không thuộc diện chuyển hướng theo quy định tại Điều 37 Luật tư pháp người chưa thành niên; đều phải chịu một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS, đối trừ với các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm sự quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS của bị cáo **H** và bị cáo **Đ** nên không đủ điều kiện để áp dụng Điều 54 BLHS để áp dụng mức hình phạt dưới khung hình phạt và cho án treo đối với các bị cáo **H** và **Đ**; không áp dụng tình tiết giảm nhẹ của khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo **Đ** vì bị cáo **Đ** không phải là khuyết tật nặng.

Các bị cáo nhận tội và không có tranh luận gì với bản luận tội của Viện kiểm sát. Các Bị cáo nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các Bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan điều tra, truy tố, Điều tra viên, Kiểm sát viên và người tiến hành tố tụng khác trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử tại cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2]. Bị hại, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, Người đại diện của bị cáo **Đ**, Luật sư bào chữa, Người làm công tác xã hội vắng mặt nhưng đã được tổng đạt văn bản đúng quy định, có đầy đủ lời khai trong hồ sơ nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt theo khoản 1 Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

[3] Nhận định của Hội đồng xét xử về hành vi bị truy tố của bị cáo: Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị hại, vật chứng thu giữ, kết quả định giá tài sản và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, có căn cứ xác định: Do thiếu tiền chi tiêu cá nhân, **Lý Văn P** đã rủ và cùng **Lý Văn T1**; Vàng Văn Phòng, **Đào Văn H**, sinh ngày 18/5/2008 và **Lý Văn Đ**, sinh ngày 18/9/2009, điều khiển xe mô tô thực hiện 02 vụ cướp giật tài sản của 02 bị hại trong các ngày 27/11/2025 và 29/11/2025, tại tuyến đường gom dân sinh nổi **Khu công nghiệp Q và Khu công nghiệp V**, thuộc địa phận **phường N, tỉnh Bắc Ninh**, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Sau khi được **P** rủ đi cướp giật tài sản; chiều tối ngày 27/11/2025, **Lý Văn T1** điều khiển xe mô tô chở **Lý Văn Đ**, **Lý Văn P** một mình điều khiển 01 xe mô tô, **Đào Văn H** điều khiển xe mô tô chở Vàng **Văn P1** cùng đi cướp giật tài sản của người khác. Khoảng 18 giờ ngày 27/11/2025, khi cả nhóm đi đến đoạn đường gom dân sinh, thuộc địa phận **tổ dân phố N, phường N, tỉnh Bắc Ninh**; sau khi được **P** bảo, **H** đã điều khiển xe mô tô chở **P1** đi áp sát chị **Dương Ngọc H1** đang ngồi trên xe mô tô đỗ ở rìa đường bên phải theo hướng di chuyển của nhóm **P** rồi **P1** dùng tay cướp giật được trên tay chị **H1**: 01 điện thoại di động Iphone 8 Plus-128GB, màu trắng, lắp 01 thẻ sim Viettel, ốp nhựa màu hồng có tổng trị giá 2.055.000 đồng, bên trong vỏ ốp có tờ tiền 200.000 đồng. Được sự đồng ý của cả nhóm, **H** giữ lại điện thoại của chị **H1** để sử dụng rồi trả cho: Phan, **P1**, **T1**, **Đ** mỗi người 200.000 đồng; số tiền mặt 200.000 đồng cướp giật được **T1** dùng đồ xăng xe mô tô và mua thức ăn chung cho cả nhóm.

Vụ thứ hai: Sau khi được **P** rủ và được **T1** cho mượn xe mô tô để đi cướp giật tài sản; tối ngày 29/11/2025, **Lý Văn P** điều khiển xe mô tô của **T1** chở **Vàng V**, **Đào Văn H** điều khiển xe mô tô của Phòng chở **Lý Văn Đ** ngồi sau cùng đi cướp giật tài sản. Khoảng 19 giờ 45 phút ngày 29/11/2025, khi cả nhóm đi đến đoạn đường gom dân sinh ở khu vực **Khu công nghiệp V**, thuộc địa phận **tổ dân phố V, phường N, tỉnh Bắc Ninh**; **H** điều khiển xe mô tô chở **Đ** đi áp sát chị **Lý Thị T** đang đi bộ một mình ở rìa đường bên phải theo hướng đi của **H** rồi **Đ** dùng tay cướp giật được trên tay chị **T** 01 điện thoại di động Iphone 14 Promax- 128GB, màu vàng, loại E sim có trị giá 16.520.000 đồng. Sau đó, cả nhóm mang điện thoại cướp giật của chị **T** về cất giấu tại phòng trọ của **P**. Ngày 01/12/2025, **P** cùng **H** mang điện thoại cướp giật của chị **T** bán cho người không xác định được là ai được 5.000.000 đồng tiền mặt, rồi chia nhau: Hanh được 1.600.000 đồng, **P**, **Đ** mỗi người được 1.000.000 đồng, Phòng được 1.200.000 đồng, **T1** được 200.000 đồng.

Tổng trị giá tài sản trong hai vụ cướp giật tài sản nêu trên là: 18.775.000 đồng.

Trong vụ án, khi phạm tội **Lý Văn P**, **Lý Văn T1**, **Vàng V** đều là người thành niên. Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh B** đã tách vụ án đối với hành vi phạm tội của **Lý Văn P**, **Lý Văn T1**, **Vàng V** để giải quyết độc lập bằng vụ án khác theo Luật tư pháp người chưa thành niên.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây dư luận xấu và hoang mang trong quần chúng nhân dân cũng như gây mất trật tự trị an xã hội tại địa phương.

Khi thực hiện hành vi cướp giật tài sản của bị hại, các bị cáo đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc làm đó là vi phạm pháp luật, thấy trước hậu quả đồng thời mong muốn chiếm đoạt được tài sản của bị hại để tiêu sài cá nhân. Do đó lỗi của các bị cáo là lỗi cố ý trực tiếp.

Hành vi của các bị cáo **Đào Văn H** và **Lý Văn Đ** đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d Khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh truy tố các bị cáo **Đào Văn H** và **Lý Văn Đ** về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[4]. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo **Đào Văn H** và **Lý Văn Đ** phạm tội nhiều lần nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: quá trình điều tra, truy tố trong vụ án, **Đào Văn H**, **Lý Văn Đ** thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội nên đều được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo **Đào Văn H** tác động đến gia đình bồi thường cho bị hại **Lý Thị T** và được chị **T** có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6]. Xét vai trò của các bị cáo: **Lý Văn P** rủ các bị cáo **Lý Văn Đ1**, **Lý Văn T1**, **Đào Văn H** đi cướp giật tài sản: **P** nói với **H6** rủ thêm **Vàng Văn Phòng**, **H** đã rủ thêm **Vàng Văn Phòng** cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội, nhưng các bị cáo không phân công nhiệm vụ cụ thể, không bàn bạc từ trước về việc ai trực tiếp thực hiện hành vi, không bàn chia lợi nhuận sau khi cướp được tài sản sản mang bán nên có tính chất đồng phạm giản đơn, không có tính chất tổ chức. Vai trò thứ nhất trong vụ án là **Lý Văn P** là người rủ rê các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, hướng dẫn các bị cáo khác đi theo các con đường khác nhau để tìm bị hại có sở hữu để thực hiện hành vi phạm tội. Vai trò thứ hai trong vụ án là **Đào Văn H** là người trực tiếp rủ **Vàng V**, trực tiếp điều khiển xe mô tô để **Vàng Văn Phòng** và **Lý Văn Đ** thực hiện hành vi cướp giật rồi **Đào Văn H** tăng ga bỏ chạy; **Đào Văn H** là người giữ lại điện thoại của chị **Dương Ngọc H1** để sử dụng. Vai trò thứ ba trong vụ án: là **Vàng Văn P1** và **Lý Văn Đ** mỗi bị cáo trực tiếp thực hiện 01 vụ cướp giật. Vai trò thứ tư là **Lý Văn T1** trực tiếp tham gia 01 vụ, nhưng không trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội; cho các bị cáo khác mượn xe mô tô để thực hiện 01 vụ

cướp giật tài sản khác. Về hình phạt: Bị cáo **H**, **Đ** phạm tội rất nghiêm trọng, không thuộc diện chuyển hướng theo quy định tại Điều 37 Luật tư pháp người chưa thành niên do đó cần áp dụng Điều 38 xử phạt tù đối với bị cáo, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian là hình phạt tương ứng với hành vi của bị cáo đã gây ra, đề giáo dục bị cáo có ý thức chấp hành pháp luật. Do vai trò của bị cáo **H** cao hơn bị cáo **Đ**. Tuy nhiên bị cáo **H** đã bồi thường cho bị hại, bị cáo **Đ** chưa bồi thường nên xem xét hình phạt của các bị cáo là ngang nhau Tuy nhiên tại thời điểm lần đầu phạm các bị cáo chưa đủ 18 tuổi nên cần áp dụng những quy định khoan hồng của Pháp luật đối với người chưa thành niên phạm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

[7]. Về hình phạt bổ sung: Các Bị cáo là người dưới 18 tuổi, không có tài sản riêng, không có khả năng thi hành án, các bị cáo đều là dân tộc thiểu số sống trong vùng kinh tế đặc biệt khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 6 Điều 12 Luật tư pháp người chưa thành niên.

[8]. Về trách nhiệm dân sự: **Lý Văn T1** đã tác động bố đẻ là anh **Lý Văn D** bồi thường cho chị **Lý Thị T**: 3.5000.000 đồng, chị **Dương Ngọc H7**: 200.000 đồng và nộp vào Cơ quan Thi hành án dân sự số tiền 400.000 đồng. Vàng **Văn P1** đã tác động chú ruột là anh **Vàng A T3**, sinh năm 1991 ở cùng thôn bồi thường cho chị **Lý Thị T**: 3.5000.000 đồng, chị **Dương Ngọc H1**: 200.000 đồng, nộp vào Cơ quan Thi hành án dân sự số tiền 1.300.000 đồng để bồi thường cho chị **T**. **Đào Văn H** đã tác động bố đẻ là **Đào Văn K1** bồi thường cho chị **Lý Thị T**: 3.500.000 đồng, nộp vào Cơ quan Thi hành án dân sự số tiền 1.500.000 đồng để bồi thường cho chị **T** để bồi thường cho chị **T**; Hiện tại chị **T**, chị **H1** không yêu cầu bồi thường về dân sự. Chị **Lý Thị T** được nhận số tiền 1.500.000 đồng do **Đào Văn H** bồi thường.

[9]. Về vật chứng, tài sản, giấy tờ thu giữ: Cơ quan điều tra đã truy tìm vỏ ốp điện thoại của chị **H1** và điện thoại di động của chị **T** nêu trên nhưng không thu giữ được. **P** khai xe mô tô nhãn hiệu Yamaha R15 là phương tiện mua trả góp tại cửa hàng không nhớ địa chỉ, do không có tiền trả nên cửa hàng đã thu hồi lại; đồng thời điện thoại di động sử dụng vào phạm tội **P**, **T1**, **H** khai rơi mất nên Cơ quan điều tra không thu giữ được. Hai xe mô tô thu giữ nêu trên là tài sản dùng phạm tội; điện thoại di động Iphone 11 là tài sản của **T1** không dùng phạm tội. Cơ quan điều tra đã trả lại điện thoại di động Iphone 8 Plus-128GB, màu trắng cho chị **H1**. Các vật chứng, tài sản, giấy tờ thu giữ còn lại như nêu trên được Cơ quan điều tra nhập kho vật chứng và tách ra để giải quyết riêng trong vụ án truy cứu trách nhiệm hình sự đối với **Lý Văn P**, **Lý Văn T1**, **Vàng V**.

[10]. Về án phí: Bị cáo **H** và **T1** đều là dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn nên thuộc trường hợp miễn nộp án phí hình theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[11]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà là phù hợp.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự sửa đổi, bổ sung 2025; Điều 12, khoản 1 Điều 119, Điều 179 Luật tư pháp người chưa thành niên. Xử phạt: Bị cáo **Đào Văn H** 02 (hai) năm 08 (tám) tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/12/2025.

Tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày (Bốn mươi lăm ngày) để đảm bảo thi hành án.

2. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự sửa đổi, bổ sung 2025. Căn cứ Điều 12, khoản 1 Điều 119, Điều 179 Luật tư pháp người chưa thành niên. Xử phạt: Bị cáo **Lý Văn Đ** 02 (hai) năm 08 (tám) tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/01/2026.

Tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày (Bốn mươi lăm ngày) để đảm bảo thi hành án.

Về bồi thường dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự, căn cứ Điều 30 Bộ luật tố tụng hình sự; căn cứ Điều 584, 585, 586, 587 và 589 Bộ luật dân sự.

Chị **Lý Thị T** được nhận số tiền 1.500.000đ của bị cáo **H** bồi thường đã nộp tại Biên lai số 0000474 ngày 09/02/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, nộp án phí, lệ phí tòa án, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo **Đào Văn H** và **Lý Văn Đ**.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, người bào chữa, đại diện hợp pháp của bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đại diện hợp pháp của bị cáo, Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt (hoặc niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND KV2 – Bắc Ninh;
- CQ CSĐT- Công an tỉnh Bắc Ninh;
- THADS tỉnh Bắc Ninh;
- UBND xã (phường) bị cáo cư trú;
- Bị cáo.
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Trường

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nguyễn Văn T4

